TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202A/2025/HS-PT
Ngày: 28-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 922/2024/TLPT- HS ngày 08 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo Dương Hoàng L và đồng phạm; do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Các bị cáo bị kháng cáo:*

1. Dương Hoàng L, sinh ngày 30/4/1990 tại huyện C, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Dương Văn H và mẹ: Lê Thị N; có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền sự: Không; tiền án: Ngày 27/11/2014, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 11 năm tù về tội "Giết người" tại Bản án số 779/2014/HS-PT, chấp hành xong hình phạt ngày 21/10/2021; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2023 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

2. Bùi Vĩnh C, sinh ngày 06/9/1989 tại tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp X, thị trấn R, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Bùi Quốc V và mẹ là Cao Thị Đ; bị cáo có 01 người con sinh năm 2023; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 15/3/2021, bị Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 25/2021/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/4/2022; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2023 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

3. Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1993 tại huyện P, thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Văn H2 và mẹ: Nguyễn Thị D; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/10/2006, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang ra Quyết định số 1965 đưa vào Trường G2 thời hạn 12 tháng, chấp hành xong ngày 06/10/2007; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2023 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

4. Phạm Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18/5/1997 tại tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp A, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Phạm Đình P và mẹ: Nguyễn Thị Lệ T; vợ: Nguyễn Thị Như B và có 01 người con sinh năm 2022; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2023 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

5. Nguyễn Văn H3, sinh ngày 22/12/1993 tại huyện C, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Văn L1 và bà: Nguyễn Thị Mỹ T1; vợ: Lê Yến N1 và có 01 người con sinh năm 2022; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2023 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

6. Nguyễn Xương V1, sinh ngày 06/9/1993 tại huyện C, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Văn B1 và mẹ: Phan Thị Thu H4; vợ: Tạ Thị Lan A và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2023); tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2023 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

- *Người bào chữa cho các bị cáo* Dương Hoàng L, Bùi Vĩnh C: luật sư Dương Phúc H5, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

- *Người bào chữa cho các bị cáo* Phạm Nguyễn M, Nguyễn Xương V1: luật sư Lê Thị Ánh T2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt);

- *Người bào chữa cho các bị cáo* Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Văn H3: luật sư Nguyễn Văn Đ1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại:* Trần Trung T3 (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Trần Văn M1, sinh năm 1975 - cha ruột bị hại (có mặt);

2. Huỳnh Thị H6, sinh năm 1976 - mẹ ruột bị hại (có mặt);

Cùng nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Nguyễn Văn T4, Công ty luật Trí N2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố C; Địa chỉ: 1 L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* ông Trần Văn G, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không tiến hành triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 23/8/2023, ông Trần Văn G cùng với ông Trần Trung T3 (em ruột G), ông Nguyễn Văn Tấn C1 và ông Lê Hoàng T5 chuẩn bị tổ chức tiệc nhậu tại nhà của T3 thì giữa G với bà Trần Hồng N3 xảy ra mâu thuẫn cự cãi vì G cho rằng bà N3 đã lấn chiếm ranh đất của gia đình G và đã dựng phần mái che cao hơn nhà của G, dẫn đến việc khi trời mưa nước sẽ chảy sang nhà của G.

Bà Phạm Như Ý (con ruột của bà N3 biết được vụ việc nên gọi điện thoại nhờ Nguyễn Thanh H1 đến nhà ông T3 để nói chuyện, dàn xếp, không để hai bên xảy ra đánh nhau, Hiệp đồng Ý1 nên đã gọi điện thoại rủ Phạm Nguyễn Minh Q đi cùng.

H1 điều khiển xe Vario đi đến cầu B thì gặp Q và Bùi Vĩnh C điều khiển E đi đến. Hai bên đổi xe cho nhau, Q điều khiển xe Exciter chở H1 đi đến nhà T3, C không tham gia cùng. Đi được một đoạn, H1 tiếp tục gọi điện thoại cho Nguyễn Xương V1 nhờ hỗ trợ, V1 đồng ý nên Q điều khiển xe đến nơi V1 đang ngồi nhậu để chở V1 cùng đến nhà ông T3. Trên đường đi, H1 hỏi V1 "Có đồ không?", V1 trả lời "Có". Do vậy, khi đến nhà V1 thì Q dừng xe lại để V1 vào trong lấy 01 cây dao dài khoảng 20 cm và 01 cây kiếm Nhật rồi quay trở ra. Q tiếp tục điều khiển xe chở H1 và V1 đến nhà của T3 thì H1 đi bộ vào trong hỏi "Ai là T3, ai là G?", nhưng không có người trả lời dẫn đến hai bên xảy ra cự cãi.

Sau đó, Q điều khiển xe chở cả nhóm rời khỏi nhà T3,

Khi nhóm của H1 ra về, G tức giận nên đã nói hù dọa với bà N3 "Cô thuê người đánh gia đình con thì con cắt cổ cô à!", Ý biết được thông tin này nên đã gọi điện thoại thông báo cho H1. Sau đó, H1 gọi điện thoại cho V1 nhưng H1 nói là "Gia đình T3 có ý định giết gia đình của V1", nên V1 kêu H1 gửi số điện thoại của T3 cho V1. Do vậy, H1 yêu cầu Ý gửi số điện thoại của G cho H1 rồi cung cấp cho V1, khi có được số điện thoại của ông G thì Q sử dụng điện thoại gọi nói chuyện với ông G nhưng không xác định được nội dung trao đổi, hai bên kết thúc cuộc gọi thì ông T3 sử dụng điện thoại di động của ông G gọi lại cho Q nhưng V1 là người nghe máy dẫn đến việc cả hai cự cãi hẹn và hẹn đánh nhau.

V1 kêu Q và C đến cầu B, V1 điều khiển xe Exciter của Q đi đến nhà Nguyễn Văn H3 để nhờ hỗ trợ, V1 hỏi H3 "Có đồ không?", V1 đi theo hướng chỉ tay của H3 lấy 01 cây dao tự chế và 01 cây kiếm N rồi điều khiển xe chở H3 đi đến cầu B. Trong lúc V1 rời khỏi quán, C đã gọi điện thoại kêu Dương Hoàng L mang theo hung khí đến địa điểm trên để cùng đi. Sau đó, Q điều khiển xe không rõ nhãn hiệu của V1 chở C đi đến cầu B, quá trình di chuyển cả hai đi ngang nơi H1 đang ngồi nhậu nên H1 nhìn thấy và đi về nơi ở lấy 01 cây kiếm N rồi điều khiển xe Vario chạy theo.

Khi H1 đuổi kịp xe của C và Q thì C sang đi cùng xe với H1 để H1 chở đến Bệnh viện huyện C, Q tiếp tục điều khiển xe đi đến cầu B. Tại đây, Q lấy 01 cây kiếm N đã cất giấu ở gần đó để mang theo. Đối với H1, khi đưa C đến nơi thì quay trở lại, riêng C vào trong Bệnh viện lấy xe máy biển kiểm soát 83X1-456.87 điều khiển đi đến bụi cỏ gần đó lấy 01 cây kiếm N rồi cũng điều khiển xe đi đến cầu B gặp cả nhóm. Thời điểm này, tại cầu B Tổng có mặt của H1, Q, C và L, một lúc sau V1 điều khiển xe chở H3 đến, V1 ra hiệu cho cả nhóm đi cùng, trong đó: H1 điều khiển xe Vario, không rõ biển số chở Q, mỗi người mang theo 01 cây kiếm N; V1 điều khiển xe Exciter, không rõ biển số chở H3 mang theo cây kiếm Nhật và cây dao tự chế; C điều khiển xe biển số 83X1-456.87 chở L mang theo 02 cây kiếm N. Sau đó, tất cả cùng nhau đi đến nhà của T3, thời điểm này tiệc nhậu vẫn còn, nhóm người của H1 xông vào bên trong, G và T3 đi ra phía trước kéo cửa rào lại. Sau đó, H1, L, C, Q mỗi người cầm 01 cây kiếm N, V1 cầm cây dao tự chế đứng bên ngoài hàng rào đánh nhau với nhóm người của T3 đứng bên trong hàng rào (T3, C1, G và T5 mỗi người cầm một cây sắt tròn), riêng H3 cầm kiếm N4 đứng ngoài hàng rào nhưng không tham gia. Trong lúc đánh nhau T3 bị L dùng kiếm đâm trúng vào vùng ngực phải, gây mất máu cấp do thủng phổi dẫn đến tử vong, G và V1 bị thương tích nhẹ.

Kết thúc đánh nhau, H1, L, Q, C, H3 và V1 điều khiển xe thành 02 hướng rời khỏi hiện trường (H1, Q, C và L đi cùng nhau, H3 đi chung với V1). Trên đường tẩu thoát, lần lượt H1 cất giấu 04 cây kiếm do H1, C, L, Q đã sử dụng tại đoạn gần nhà máy X lúa đối diện chợ A1 và V1 cất giấu 02 cây hung khí do V1 và H3 sử dụng ở dưới C thuộc ấp A, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Một lúc sau, H1, L, Q, V1, C và H3 tập trung ở nhà của H3, tại đây L thông báo việc T3 tử vong cho cả nhóm biết và ngõ ý đề nghị những người còn lại không trình bày L có tham gia trong vụ việc này, đồng thời hỏi Q từ trước đến nay có tiền án, tiền sự chưa, Q trả lời "Chưa", L đề nghị Q nhận vụ này cho L, nhưng Q không đồng ý. Cùng ngày, H1, L, Q, V1, C và H3 đã đến Cơ quan Công an đầu thú.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 117/KLGĐTT-TTPY, ngày 05/9/2023 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh H, kết luận đối với Trần Trung T3 bị: *"Đa vết đứt da; Đa vết sây sát da; Đứt xương sườn số IV, khoảng liên sườn III - IV và IV - V cung trước bên phải; Khoang ngực phải chứa máu loãng và máu đông;* P1 *phải xẹp, thủng mặt trước thùy trên phổi phải, xuyên thấu ra sau, thủng thùy dưới phổi phải; Phổi trái sung huyết; Tim sung huyết. Nguyên nhân chết: Mất máu cấp do thủng phổi"*.

- Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 242/KLTTCT-TTPY, ngày 21/11/2023 của Trung tâm P2, Sở Y tế tỉnh H, kết luận đối với Nguyễn Xương V1 bị: *"Vết sẹo phần mềm mặt lưng ngón II bàn tay phải; tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 01%. Cơ chế hình thành vết thương: Vết sẹo mặt lưng bàn ngón II tay phải do vật sắc bén tác động trực tiếp gây nên. Vật gây thương tích: Vết sẹo phần mềm mặt lưng ngón II bàn tay phải do vật sắc bén gây nên"*.

- Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 243/KLTTCT-TTPY, ngày 21/11/2023 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh H, kết luận đối với Trần Văn G bị: *"Vết sẹo phần mềm mu bàn ngón I tay phải, hạn chế gấp duỗi ngón I tay phải; tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 08%. Cơ chế hình thành vết thương: Vết sẹo phần mềm mu bàn ngón I tay phải, hạn chế gấp duỗi ngón I tay phải do vật sắc bén tác động trực tiếp gây nên. Vật gây thương tích: Vết sẹo phần mềm mặt lưng ngón II bàn tay phải do vật sắc bén gây nên"*.

- Tại Bản kết luận giám định số 6167/KL-KTHS, ngày 26/10/2023 của phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ C2, kết luận:

"Trên cây kiếm (Gói số 1: Cây kiếm do Dương Hoàng L *sử dụng và* G1 *số 5: Cây kiếm do* Bùi Vĩnh C *sử dụng), vỏ kiếm (Gói số 2: Vỏ kiếm của* Dương Hoàng L*) và dấu vết thu tại hiện trường vị trí số 3 có dính máu người. Phân tích ADN từ các mẫu máu này được cùng 01 kiểu gen nam giới, trùng với kiểu gen của* Trần Trung T3.

Dấu vết hiện trường thu tại vị trí số 1, 2, 8 là máu người. Phân tích ADN từ các mẫu máu này được cùng 01 kiểu gen nam giới, trùng với kiểu gen của Trần Văn G.

Không phát hiện máu người trên các cây kiếm (Gói số 3: Cây kiếm do Phạm Nguyễn Minh Q *sử dụng; Gói số 4: Cây kiếm do* Nguyễn Thanh H1 *sử dụng; Gói số 6: Cây kiếm do* Nguyễn Văn H3 *sử dụng) và con dao tự chế (Gói số 7: Con dao do* Nguyễn Xương V1 *sử dụng)"*.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Dương Hoàng L, Nguyễn Thanh H1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Xương V1, Phạm Nguyễn Minh Q, Nguyễn Văn H3 phạm tội "Giết người".

1. Áp dụng: Điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 39; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Hoàng L tù chung thân. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

2. Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H1 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

3. Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Vĩnh C 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

4. Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xương V1 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

5. Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Minh Q 07 (bảy) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

6. Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H3 07 (bảy) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Dương Hoàng L, Nguyễn Thanh H1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Xương V1, Phạm Nguyễn Minh Q, Nguyễn Văn H3 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Dương Hoàng L, Nguyễn Thanh H1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Xương V1, Phạm Nguyễn Minh Q, Nguyễn Văn H3 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền tổng cộng là 420.000.000 (bốn trăm hai mươi triệu) đồng, phần của mỗi bị cáo phải chịu là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, các bị cáo đã khắc phục được tổng số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng (trong đó đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng và số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng gia đình bị cáo Q nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang theo Biên lai thu tiền số 0000042 ngày 15/01/2024). Các bị cáo còn phải bồi thường tiếp tục số tiền là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu đồng), phần của mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường như sau: Các bị cáo Dương Hoàng L, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Xương V1, Phạm Nguyễn Minh Q mỗi bị cáo số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, bị cáo Nguyễn Thanh H1 số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, bị cáo Nguyễn Văn H3 số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Đại diện hợp pháp của bị hại có quyền liên hệ Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang để nhận số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp theo Biên lai thu tiền số 0000042 ngày 15/01/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về xử lý vật chứng án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 11/9/2024, đại diện hợp pháp của bị hại Trần Văn M1 kháng cáo với nội dung tăng hình phạt đối với các bị cáo; yêu cầu các bị cáo cấp dưỡng cho 02 người con của bị hại; yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 900.000.000 đồng.

- Ngày 11/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn G kháng cáo với nội dụng xác định người gây thương tích cho ông và yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: bản án sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo về tội "Giết người" theo Điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ Luật hình sự và tuyên phạt mức án đối với từng bị cáolà tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; đồng thời giải quyết về trách nhiệm dân sự của các bị cáo trên cơ sở pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Riêng phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai cháu L1 và H7, tại phiên toà phúc thẩm, ông M1 có cung cấp bản kết quả xét nghiệm ADN chứng minh cháu L1 và H7 là con của bị hại Trần Văn T6 nhưng nội dung này chưa được Toà án cấp sơ thẩm giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông M1.

Luật sư Nguyễn Văn T4 *bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày:* đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 điều 280 Bộ luật hình sự, huỷ án sơ thẩm với các lý do như sau: chưa xác định vai trò của bà Như Ý trong vụ án này; các bị cáo đều không có mâu thuẫn gì với bị hại nên nếu không có ý kiến của bà Ý thì cũng sẽ không xảy ra vụ án. Do đó, bà Như Ý không thể không liên quan đến vụ án.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bị hại thì tại phiên toà sơ thẩm, ông M1 đã cung cấp giấy khai sinh của hai trẻ L1 và H7 và nay, kết quả giám định xác định hai trẻ này có quan hệ huyết thống với gia đình ông M1 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông M1 là chưa giải quyết hết nội dung của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm để giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định.

Ông M1 *không tranh luận gì thêm.*

Các luật sư bào chữa cho các bị cáo L, C, Q, H1, H3, V1 đều xác định bản án sơ thẩm tuyên xử các bị cáo về tội *"Giết người"* theo Điểm n khoản 1 Điều

123 Bộ Luật hình sự là có căn cứ, mặc dù các bị cáo không kháng cáo nhưng một số bị cáo có nộp khắc phục thêm hậu quả của vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để có thể giảm mức hình phạt cho các bị cáo, sớm trở về với gia đình. Trong trường hợp không thể giảm án cho các bị cáo thì đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với bản kết luận giám định ADN do ông M1 cung cấp thì do cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Lời nói sau cùng của bị cáo: các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về hòa nhập xã hội, lao động, khắc phục bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra vụ án, lời khai tại phiên tòa, quá trình tranh tụng và những chứng cứ đã thu thập được, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:*

Xuất phát từ việc xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với nhóm người bên phía bị hại trước đó, nên vào khoảng 22 giờ, ngày 23/8/2023 bị cáo Nguyễn Xương V1 cùng với các bị cáo khác là Nguyễn Thanh H1, Bùi Vĩnh C, Phạm Nguyễn Minh Q, Nguyễn Văn H3, Dương Hoàng L đã mang hung khí loại dao tự chế, cây kiếm N4 đi đến nhà bị hại Trần Trung T3 thuộc ấp N, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang để đánh nhau với nhóm người của bị hại T3. Trong lúc đánh nhau, bị hại Trần Trung T3 bị bị cáo Dương Hoàng L dùng cây kiếm đâm trúng vào vùng ngực phải gây mất máu cấp, thủng phổi dẫn đến tử vong.

Hành vi của các bị cáo Dương Hoàng L, Nguyễn Thanh H1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Xương V1, Phạm Nguyễn Minh Q, Nguyễn Văn H3 đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội *"Giết người"* với tình tiết định khung *"Có tính chất côn đồ"* theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Dương Hoàng L còn bị áp dụng tình tiết định khung *"Tái phạm nguy hiểm"* theo điểm p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Hành vi của các bị cáo Dương Hoàng L, Nguyễn Thanh H1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Xương V1, Phạm Nguyễn Minh Q, Nguyễn Văn H3 là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng của người khác. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả có thể xảy ra nhưng vẫn cố ý thực hiện và thực tế hậu quả chết người đã xảy ra. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã phân tích hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của từng bị cáo để phân hóa hành vi, phân hóa trách nhiệm hình sự và tuyên xử mức án đối với mỗi bị cáo là phù hợp.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo nhận thấy trách nhiệm của mình nên đã tác động gia đình, chủ động thi hành án đối với số tiền bồi thường thiệt hại cho đại diện bị hại cụ thể như sau: bị cáo Nguyễn Văn H3 thi hành số tiền 40.000.000đ; bị cáo Bùi Vĩnh C, bị cáo Phạm Nguyễn Minh Q mỗi người thi hành số tiền

10.000.000đ; bị cáo Nguyễn Xương V1 thi hành số tiền 1.000.000đ là thể hiện sự ăn năn hối lỗi của các bị cáo và là tình tiết mới tại phiên toà phúc thẩm; nhưng như đã phân tích ở trên thì mức hình phạt mà Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm tuyên xử các bị cáo là đúng pháp luật, thể hiện rõ sự phân hóa tội phạm. Việc các bị cáo H3, C, Q, V1 tự nguyện thi hành án trước là thực hiện theo nội dung của bản án sơ thẩm đã tuyên xử nên không có căn cứ để giảm mức hình phạt cho các bị cáo và cũng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M1 tăng thêm mức hình phạt đối với các bị cáo trên.

[4] Đối với yêu cầu buộc các bị cáo phải cấp dưỡng nuôi hai trẻ Bùi Quốc L2 và Bùi Thị Ngọc H7 của ông M1: do tại phiên toà sơ thẩm, ông M1, bà H6, bà H8 không chứng minh được trẻ L2 và H7 là con của bị hại Tín nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã tách yêu cầu này ra để giải quyết bằng vụ án khác là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M1 cung cấp được bản kết quả xét nghiệm ADN đối với hai trẻ L2 và H7 có quan hệ huyết thống với ông M1 và bà H6 nhưng yêu cầu các bị cáo cấp dưỡng chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại cũng không thỏa thuận được việc cấp dưỡng nên yêu cầu này không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm. Ông M1, bà H6 được quyền khởi kiện yêu cầu các bị cáo cấp dưỡng cho hai trẻ L2, H7 bằng một vụ kiện khác theo quy định.

[5] Đối với yêu cầu tăng mức bồi thường của ông M1 đối với các bị cáo từ 420.000.000 đồng lên 900.000.000 đồng: tại phiên toà phúc thẩm, ông M1 không cung cấp được chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn G yêu cầu xác định người gây thương tích cho ông và bồi thường cho ông số tiền 30.000.000đ, xét thấy cơ quan điều tra hiện vẫn đang điều tra để xác định người gây ra thương tích cho ông G và sẽ xử lý sau khi có đủ căn cứ theo quy định của pháp luật. Mặt khác, tại phiên toà sơ thẩm, ông G cũng thống nhất như kết luận của cơ quan điều tra nhưng sau khi xét xử sơ thẩm, ông G lại kháng cáo vấn đề này là không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm của vụ án này.

[7] Đối với số tiền các bị cáo H3, C, Q, V1 và H1 tự nguyện thi hành án để khắc phục hậu quả và đóng án phí dân sự, hình sự sẽ được cơ quan thi hành án cấn trừ vào số tiền mà các bị cáo phải có trách nhiệm thi hành theo quyết định của bán án sơ thẩm.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Án phí phúc thẩm: người kháng cáo ông Trần Văn M1, ông Trần Văn G được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại ông Trần Văn M1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn G; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2024/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Tuyên bố: Các bị cáo Dương Hoàng L, Nguyễn Thanh H1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Xương V1, Phạm Nguyễn Minh Q, Nguyễn Văn H3 phạm tội *"Giết người"*.

1. Áp dụng: Điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 39; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Hoàng L tù chung thân. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

2. Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H1 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

3. Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Vĩnh C 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

4. Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xương V1 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

5. Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Minh Q 07 (bảy) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

6. Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H3 07 (bảy) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 24/8/2023.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Dương Hoàng L, Nguyễn Thanh H1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Xương V1, Phạm Nguyễn Minh Q, Nguyễn Văn H3 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Dương Hoàng L, Nguyễn Thanh H1, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Xương V1, Phạm Nguyễn Minh Q, Nguyễn Văn H3 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền tổng cộng là 420.000.000 (bốn trăm hai mươi triệu) đồng, phần của mỗi bị cáo phải chịu là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, các bị cáo đã khắc phục được tổng số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng (trong đó đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng và số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng gia đình bị cáo Q nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang theo Biên lai thu tiền số 0000042 ngày 15/01/2024). Các bị cáo còn phải bồi thường tiếp tục số tiền là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu đồng), phần của mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường như sau: Các bị cáo Dương Hoàng L, Bùi Vĩnh C, Nguyễn Xương V1, Phạm Nguyễn Minh Q mỗi bị cáo số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, bị cáo Nguyễn Thanh H1 số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, bị cáo Nguyễn Văn H3 số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

Đại diện hợp pháp của bị hại có quyền liên hệ Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang để nhận số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng nộp theo Biên lai thu tiền số 0000042 ngày 15/01/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

II. Án phí hình sự phúc thẩm: ông Trần Văn M1, ông Trần Văn G được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Dương Tuấn Vinh	**Nguyễn Văn Khương**	**Nguyễn Thị Cúc**